

Bản án số: 450/2025/HS-PT
Ngày 22/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Huân.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;
Bà Trần Thị Quỳnh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hồng Phong, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 212/2025/TLPT-HS ngày 17 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Đặng Văn T và Nguyễn Anh S, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2024/HS-ST ngày 30/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

**** Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Đặng Văn T; Sinh ngày 22/8/1967 tại N.

Nguyên quán: Trường Y, Hoa L, N; nơi cư trú: Khu phố Yên P, thị trấn Hàng T, huyện Yên T, tỉnh H; nghề nghiệp trước khi phạm tội: Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Yên T; Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (Đã bị khai trừ ra khỏi Đảng theo Quyết định số: 1227-QĐ/TU ngày 04/7/2024 của Tỉnh ủy H); trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn S, sinh năm 1935 và bà: Giang Thị Q, sinh năm 1934 (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Oanh L, sinh năm 1972 và 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/02/2024, đến ngày 22/5/2024 được thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp Bảo lãnh. Hiện bị can đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, “có mặt”.

2. Nguyễn Anh S, Sinh ngày 29/7/1979 tại N.

Nơi cư trú: Phố Thắng L, Thị trấn Hàng T, huyện Yên T, tỉnh H; nghề nghiệp trước khi phạm tội: Phó trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Yên T; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị khai trừ ra khỏi Đảng theo Quyết định số 536-QĐ/UBKTHU ngày 02/7/2024 của Huyện ủy Yên T); trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con

ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1944 và bà: Phạm Thị N, sinh năm 1948; có vợ là Đinh Thị N, sinh năm 1984; Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, “có mặt”.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Hoàng Tiến S đã rút kháng cáo; bị cáo Nguyễn Đức T, Bùi Công Đ, Phạm Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/8/2021, UBND huyện Yên T ban hành Quyết định số 1609/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên và đột xuất các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện Yên T năm 2021, trong đó công tác bảo dưỡng thường xuyên có nội dung: “*Tổng tuyến đường huyện duy tu bảo dưỡng thường xuyên là 105km, nội dung bảo dưỡng thường xuyên bao gồm: Cắt cây phát cỏ dọc các tuyến đường huyện, khơi thông cống rãnh khi trời mưa, sửa chữa cục bộ một số vị trí nhỏ trên các tuyến đường huyện; Kinh phí thực hiện: 500 triệu đồng*”.

Sau khi có Quyết định 1609/QĐ-UBND của UBND huyện, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Yên T mới bắt đầu triển khai thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên. Đặng Văn T thời điểm này giữ chức vụ Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng đã phân công Nguyễn Đức A - chuyên viên phụ trách lĩnh vực giao thông triển khai thực hiện, phân công Nguyễn Anh S - Phó Trưởng phòng trực tiếp chỉ đạo. Với mong muốn có khoản kinh phí để trả các khoản nợ cũ và mua sắm trang thiết bị của đơn vị. Đặng Văn T, Nguyễn Anh S đã chỉ đạo Nguyễn Đức A lập hồ sơ nghiệm thu, thanh toán tăng, khống khối lượng so với thực tế thi công. Các bị cáo đã nhờ Hoàng Tiến S - nguyên Trưởng phòng Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng ký khống, lập khống để hoàn thiện hồ sơ trong thời điểm Hoàng Tiến S giữ chức vụ Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng (các *Hợp đồng giao khoán, Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng thi công xây lắp công trình đối với 02 gói thầu Phát cây, cắt cỏ, bảo trì các tuyến đường huyện Yên T quý 1, quý 2 năm 2021*); liên hệ thuê 02 nhóm thợ của Bùi Công Đ và nhóm thợ của Phạm Văn S trực tiếp thi công, sau đó sử dụng 02 hộ kinh doanh do Định và Tha nhờ người khác đứng tên để hợp thức hồ sơ thanh toán, cụ thể:

(1) Hộ kinh doanh (HKD) Bùi Hồng S, MST 8653473687, địa chỉ: xóm A Đ, xã Yên T, huyện Yên T thực hiện 04 gói thầu duy tu, bảo dưỡng, phát cây, cắt cỏ, khơi thông cống rãnh các tuyến đường huyện, tổng giá trị 384.498.000 đồng.

(2) Hộ kinh doanh (HKD) Phạm Xuân H, MST 8013236222, địa chỉ: khu phố Yên B, thị trấn Hàng T, huyện Yên T thực hiện 02 gói thầu, tổng giá trị là 115.159.000 đồng. Tổng giá trị thanh toán là 499.657.000 đồng

Sau khi nhận được tiền thanh toán thông qua các gói thầu, Bùi Công Đ và Phạm Văn S đã chuyển lại cho phòng Kinh tế và hạ tầng huyện Yên T là 422.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi hai triệu đồng), trong đó 04 hợp đồng ký với HKD Bùi Hồng S được Bùi Công Đ chuyển lại 322.000.000 đồng vào ngày 20/01/2022; 02 hợp đồng ký với HKD Phạm Xuân H được Phạm Văn S chuyển lại 100.000.000 đồng vào ngày 14/01/2022, cụ thể:

*** Đối với 04 gói thầu ký với HKD Bùi Hồng S:**

Do có mối quan hệ xã hội và biết Bùi Công Đ - Sinh năm 1987, trú tại: Xóm Á Đồng, xã Yên Trị, huyện Yên T, tỉnh H thường hay nhận công trình sửa chữa nhỏ trong huyện, Nguyễn Anh S đã trao đổi với Bùi Công Đ ngỏ ý muốn Định thực hiện việc thi công, Sơn nói với Định trao đổi với Nguyễn Đức A để bàn bạc cụ thể nội dung công việc. Bùi Công Đ đã gặp Nguyễn Đức A và được A trao đổi lại việc đã được Nguyễn Anh S chỉ đạo giao cho Định thực hiện công việc cắt cỏ, khơi thông cống rãnh các tuyến đường huyện Yên T năm 2021. A trao đổi với Đ nội dung công việc là thực hiện việc cắt cỏ, dọn hai bên lề đường tại các tuyến đường. A nói thực tế thi công chi phí hết bao nhiêu thì báo lại với A biết, Đ đồng ý thực hiện. Sau khi thống nhất Đ đã thuê các tổ thợ để thi công, cụ thể:

1. Thuê tổ thợ của bà Bùi Thị T - Sinh năm 1986, trú tại: xóm Tân H, xã Yên T, huyện Yên T để cắt cỏ các tuyến đường gồm:

- Tuyến đường từ thị trấn Hàng T đi xã Hữu L: thực hiện vào khoảng tháng 8/2021, gồm có 6 đoạn với tổng chiều dài 21.5km, tiền công được Đ và bà T thỏa thuận là 300.000 đồng/km, tổng số tiền bà T được Đ thanh toán là 6.000.000 đồng, ngoài ra Đ cho thêm 300.000 đồng. Việc thanh toán bằng tiền mặt không có ai chứng kiến.

- Tuyến đường từ Lạc T đi Lạc L: Thực hiện đầu tháng 9/2021, gồm 02 đoạn với tổng chiều dài là 22.6km, tiền công được Đ và bà T thỏa thuận là 7.000.000 đồng được chuyển vào số tài khoản 3008205177669 của bà T mở tại ngân hàng Agribank chi nhánh Yên T. Toàn bộ nội dung thảo thuận, thanh toán tiền Đ và bà T trao đổi tin nhắn qua ứng dụng ZALO.

2. Thuê nhóm thợ do em vợ là Bùi Hồng S - Sinh năm 1999, giới thiệu để thi công cắt cỏ các tuyến đường từ thị trấn Hàng T đi xã Hữu L như trước đây nhóm thợ của bà T đã thực hiện trước đó. Thời gian nhóm này bắt đầu thực hiện là sau khoảng hơn 1 tháng khi bà T hoàn thành. Giá thuê được các bên thống nhất là 750.000 đồng/km. Tổng số tiền Đ đã thanh toán cho nhóm thợ này là: 750.000 đồng x 20km = 15.000.000 đồng, trong đó trả tiền mặt cho Bùi Hồng S, Đinh Thế X, Quách Văn Hoàng Công G mỗi người 5.000.000 đồng.

3. Thuê ông Bùi Huy R - Sinh năm 1965, trú tại Phố An B, thị trấn Hàng T, huyện Yên T, tỉnh H sử dụng máy xúc để nạo vét rãnh, cạp lề hai bên đường Tuyến đường từ thị trấn Hàng T đi xã Hữu L có chiều dài toàn tuyến là 6,8km. Tiền công được Đ và ông R thỏa thuận theo ca máy và được tính 350.000 đồng/giờ, 01 ca tính 08 giờ. Thời gian ông R thực hiện là 02 ca, số tiền đã thanh toán là: 350.000 đồng x 8 giờ x 2 ca = 5.600.000 đồng.

Tổng số tiền Đ đã thanh toán cho các tổ thợ là 33.900.000 đồng

Sau khi tính toán số tiền thực tế đã chi trả cho các nhóm thợ, tiền thuế phải đóng khi xuất hóa đơn và tiền công thực hiện, Đ báo lại cho A số tiền thanh toán là 62.000.000 đồng. A có đặt vấn đề việc nhờ Đ xuất hóa đơn và hoàn thiện hồ sơ để thanh toán toàn bộ nguồn kinh phí liên quan theo dự toán được duyệt. Đ đồng ý với đề xuất của A và thống nhất là sau khi được thanh toán sẽ chỉ giữ lại 62.498.000 đồng và chuyển cho A số tiền chênh lệch là 322.000.000 đồng.

Để hoàn thiện hồ sơ thanh toán, Nguyễn Đức A đã lập dự toán đối với công tác duy tu, bảo dưỡng, phát cây, cắt cỏ, khơi thông cống rãnh các tuyến đường huyện gồm 05 nội dung công việc thực hiện bao gồm: Cắt cỏ bằng máy; Cắt phát quang cây cỏ bằng thủ công; Thuê người quét dọn xử lý phân cỏ bị cắt; Bạt lè đường bằng máy; Vét rãnh hình thang bằng máy.

Đồng thời Đ chuyển lại cho A thông tin đơn vị đứng tên trên hồ sơ thầu là HKD Bùi Hồng S, MST: 8653473687 địa chỉ tại xóm Á Đ, xã Yên T, huyện Yên T. Trên cơ sở thông tin do Đ cung cấp A đã lập 04 bộ hồ sơ thanh toán của 04 quý năm 2021.

Sau khi soạn thảo xong 04 bộ hồ sơ A chuyển lại cho Bùi Công Đ, Hoàng Tiến S, Đặng Văn T, Nguyễn Anh S ký hoàn thiện. Đặng Văn T đã trao đổi và được Hoàng Tiến S đồng ý ký hoàn thiện các tài liệu gói thầu của quý I, quý II năm 2021. Sau đó A cầm hồ sơ lên phòng làm việc của Hoàng Tiến S, tại đây Hoàng Tiến S ký lên 09 tài liệu của 02 gói thầu quý I, quý II. Đặng Văn T trực tiếp ký dưới mục “Đại diện chủ đầu tư”, “Đại diện bên A”, “Trưởng phòng” trên 17 tài liệu của 04 gói thầu; Nguyễn Anh S đã ký dưới mục “Đại diện chủ đầu tư” tại 04 “Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành” của 04 gói thầu; Bùi Công Đ đã tự ký tên “Son”, “Bùi Hồng S” dưới mục “Đại diện bên B” trên 22 tài liệu của 04 gói thầu. Do thời điểm lập hồ sơ là vào cuối năm 2021 nên tại các Quyết định do Phòng Kinh tế và hạ tầng ký ban hành liên quan 04 gói thầu A đã tự nghĩ ra số để điền lên các văn bản.

Đến ngày 30/12/2021, Kho bạc Nhà nước huyện Yên T đã thanh toán 04 lần số tiền 384.498.000 đồng vào số tài khoản 3008222289999 đứng tên Bùi Hồng S mở tại ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Yên T. Sau khi được thanh toán Đ nhờ Bùi Hồng S ra ngân hàng làm thủ tục rút tiền, trong đó làm thủ tục để thanh toán số tiền 106.061.000 đồng trả nợ khoản Đ vay ngân hàng trước đó; chuyển 277.000.000 đồng vào tài khoản 3008123123888 đứng tên Bùi Công Đ mở tại ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Yên T, còn lại số tiền 1.437.000 đồng để lại trong tài khoản cho S. Do số tiền thực tế thi công như đã tính toán và thống nhất với A là 62.498.000 đồng nên đến ngày 20/01/2022 Đ đã rút số tiền 264.000.000 đồng và thêm 58.000.000 đồng tiền mặt để thành 322.000.000 đồng chuyển lại cho A. Số tiền này Đ để trong túi nilon, đưa cho A tại cổng trụ sở Ủy ban nhân dân huyện Yên T, tỉnh H.

*** Đối với 02 gói thầu ký với HKD Phạm Xuân H**

Phạm Văn S có quen biết từ trước với Đặng Văn T. Khoảng đầu tháng 12/2021, Đặng Văn T có gọi điện trao đổi với Phạm Văn S ngỏ ý muốn S thực

hiện việc sửa chữa, “vá” ổ gà 02 tuyến đường: thị trấn Hàng T - Hữu L và Lạc T- Đa P - Lạc L, huyện Yên T, S đồng ý thực. Để thực hiện công việc trên, S đã mua đá bêtông 4x6 chở đến tuyến đường sửa chữa, sử dụng máy xúc để mức đất và lu nèn. Tha là người trực tiếp có mặt tại hiện trường để chỉ đạo việc sửa chữa tại cả 02 tuyến đường. Sau khi hoàn thành việc sửa chữa Tha tổng hợp lại chi phí thực hiện là khoảng 15 triệu đồng và báo lại cho A biết để chuyển số tiền chênh lệch và hoàn thiện hồ sơ thanh toán như đã thống nhất từ trước.

Để hoàn thiện hồ sơ thanh toán, khoảng cuối tháng 12/2021 Nguyễn Đức A đã lập dự toán đối với công tác bảo trì các tuyến đường huyện đã điều chỉnh khối lượng thi công để phù hợp với nguồn kinh phí được cấp (sau khi đã trừ đi 04 gói thầu trước đó). Đồng thời Phạm Văn S chuyển lại cho Nguyễn Đức A thông tin đơn vị trên hồ sơ thầu là HKD Phạm Xuân H, mã số thuế 8013236222, địa chỉ: khu phố Yên B, thị trấn Hàng T, huyện Yên T để đứng tên, hoàn thiện hồ sơ. Sau khi soạn thảo xong 02 bộ hồ sơ A chuyển lại cho Phạm Văn S, Đặng Văn T, Nguyễn Anh S ký hoàn thiện. Từ ngày 11/01/2022 đến 13/01/2022, Kho bạc Nhà nước huyện Yên T đã thanh toán chuyển khoản vào số tài khoản 3008205082503 đứng tên Phạm Xuân H mở tại Agribank huyện Yên T số tiền 115.159.000 đồng

Do khi nhờ Phạm Xuân H - Sinh năm 1957, trú tại: khu phố Hàng T, thị trấn Hàng T, huyện Yên T, tỉnh H thành lập, đứng tên hộ kinh doanh và mở tài khoản 3008205082503 mở tại ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Yên T, Phạm Văn S đã đề nghị ông H làm ủy quyền cho Nguyễn Ngọc C - Sinh năm 1970, trú tại: Đội 2, xã Bảo H, huyện Yên T, tỉnh H sử dụng tài khoản. Do vậy, sau khi được thanh toán ngày 14/01/2022 Phạm Văn S đã đưa Nguyễn Ngọc C đến Ngân hàng Agribank Yên T rút số tiền 115.00.000 đồng. Sau khi rút được tiền mặt S giữ lại số tiền thực tế thi công và chuyển lại tiền mặt cho A 100.000.000 đồng.

*** Việc quản lý, sử dụng số tiền 422.00.000 đồng của Phòng Kinh tế - hạ tầng huyện Yên T**

Sau khi được Bùi Công Đ và Phạm Văn S chuyển lại 422.000.000 đồng Đặng Văn T giao Nguyễn Đức A quản lý. Số tiền này được chi tiêu hết vào các công việc chung của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Yên T (trả nợ hàng quán, mua máy tính, chúc tết...) nhưng không có chứng từ. Việc chi tiêu được Nguyễn Đức A lập bảng Excel theo dõi chi tiết (thời gian, số tiền, người chi tiền).

* Ngày 02/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra ban hành Quyết định Trưng cầu giám định số 333/QĐ-CSKT gửi Phòng PC09 Công an tỉnh H đề nghị giám định chữ ký, chữ viết Bùi Hồng S, Bùi Công Đ, Phạm Văn S, Phạm Xuân H trên hồ sơ, chứng từ thanh toán đối với 06 gói thầu duy tu bảo dưỡng thường xuyên, đột xuất các tuyến đường huyện năm 2021.

Tại bản Kết luận giám định số 180/KL-KTHS ngày 10/4/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh xác định:

1. Chữ ký, chữ viết đứng tên Bùi Hồng S trên các tài liệu cần giám định không phải do ông Bùi Hồng S ký và viết ra.

2. Chữ ký, chữ viết đứng tên Bùi Hồng S trên các tài liệu cần giám định do ông Bùi Công Đ ký và viết ra

3. Chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Xuân H trên các tài liệu cần giám định không phải do ông Phạm Xuân H ký và viết ra.

4. Chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Xuân H trên các tài liệu cần giám định; Chữ viết họ tên "Phạm Xuân H" trên các tài liệu cần giám định do Phạm Văn S ký và viết ra. (Bút lục 216, 217, 218)

Ngày 03/7/2024, Cơ quan CSĐT (CSKT) - Công an tỉnh H ra quyết định trưng cầu giám định số 861/QĐ-CSKT gửi Phòng PC09 Công an tỉnh H đề nghị giám định chữ ký, chữ viết, hình dấu trên các bộ hồ sơ thanh toán của 06 gói thầu.

Tại bản Kết luận giám định số 349/KL-KTHS ngày 12/7/2024 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh xác định:

(1) Hoàng Tiến S là người ký tên trên các Hợp đồng giao khoán, Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng thi công xây lắp công trình đối với 02 gói thầu Phát cây, cắt cỏ, bảo trì các tuyến đường huyện Yên T quý 1, quý 2 năm 2021.

(2) Đặng Văn T là người ký tên trên 02 phụ lục hợp đồng điều chỉnh (đối với 02 gói thầu phát cây cắt cỏ trong quý 1, quý 2); Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành; liên 2 đối với 04 hóa đơn bán hàng của hộ kinh doanh Bùi Hồng S và liên 2 đối với 02 hóa đơn bán hàng của hộ kinh doanh Phạm Xuân H; 02 Hợp đồng giao khoán Về việc phát cây, cắt cỏ, bảo trì các tuyến đường huyện Yên T quý 3, quý 4 năm 2021; Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng về việc phát cây, cắt cỏ, bảo trì các tuyến đường huyện Yên T quý 3, quý 4 năm 2021 và biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng đối với việc sửa chữa 02 tuyến đường của hộ kinh doanh Phạm Xuân H; Quyết định phê duyệt dự toán công trình: Phát cây, cắt cỏ, bảo trì các tuyến đường huyện Yên T Quý 4 năm 2021; Quyết định về việc phê duyệt kết quả chỉ định đơn vị thi công xây dựng công trình: Phát cây, cắt cỏ, bảo trì các tuyến đường huyện Yên T Quý 4 năm 2021; Quyết định về việc phê duyệt kết quả chỉ định đơn vị thi công xây dựng công trình: Bảo trì tuyến đường Lạc Thịnh - Đa Phúc - Lạc Lương, huyện Yên T; Quyết định về việc phê duyệt dự toán công trình: Bảo trì tuyến đường thị trấn Hàng Trạm - Hữu Lợi, huyện Yên T; Quyết định về việc phê duyệt kết quả chỉ định đơn vị thi công xây dựng công trình: Bảo trì tuyến đường thị trấn Hàng Trạm - Hữu Lợi, huyện Yên T.

(3) Nguyễn Anh S là người ký tên trên 04 Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn công trình phát cây, cắt cỏ, bảo trì các tuyến đường huyện Yên T quý 1, quý 2, quý 3, quý 4 năm 2021 giữa Hộ kinh doanh Bùi Hồng S với phòng Kinh tế và hạ tầng và Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành công trình: Bảo trì tuyến đường thị trấn Hàng Trạm - Hữu Lợi, huyện Yên T giữa Hộ kinh doanh Phạm Xuân H với phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Yên T.

(4) Hình dấu tròn nội dung “CONG HOA XA HOI CHU NGHIA VIET NAM - PHÒNG KINH TE VA HA TANG H. YEN THUY T. HOA BINH” và hình dấu chức danh “ TRƯỞNG PHÒNG Đặng Văn T” đóng trên các hồ sơ tài liệu,

chứng từ thanh toán liên quan đến 06 gói thầu duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường là do cung một con dấu đóng ra (dấu tròn hiện đang được sử dụng và bảo quản tại phòng Kinh tế và Hạ tầng; dấu chức danh hiện đang được lưu giữ tại phòng Kinh tế và Hạ tầng)

*** Việc xác định sai phạm trong việc thanh, quyết toán khoản kinh phí:**

Kết quả phúc đáp của Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Phòng Tài chính kế hoạch huyện Yên T xác định việc phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Yên T hợp thức hóa hồ sơ, nghiệm thu, thanh toán tăng, không khối lượng so với thực tế là trái quy định của pháp luật.

*** Việc xác định thiệt hại của vụ án:**

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định Trưng cầu Giám định viên tư pháp Sở Xây dựng tỉnh H xác định khối lượng, giá trị chênh lệch giữa thi công thực tế tại hiện trường với hồ sơ nghiệm thu, thanh toán đối với 06 gói thầu. Mặc dù, không xác định được chính xác khối lượng thi công thực tế của 06 gói thầu nhưng quá trình điều tra xác định ngay từ ban đầu Phạm Văn S và Bùi Công Đ đã thỏa thuận, thống nhất với các cá nhân liên quan của Phòng Kinh tế và hạ tầng về việc thanh toán theo đúng khối lượng thực tế thực hiện. Do đó, có căn cứ xác định số tiền Bùi Công Đ và Phạm Văn S đã chuyển lại cho Phòng Kinh tế và hạ tầng, cụ thể: Đối với 04 gói thầu ký với HKD Bùi Hồng S thiệt hại ngân sách Nhà nước 322.000.000 đồng; 02 gói thầu ký với HKD Phạm Xuân H thiệt hại ngân sách Nhà nước 100.000.000 đồng là khoản thanh toán không, không có khối lượng thi công.

Ngày 22/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh H có văn bản số 932/CSKT gửi Sở Tài chính tỉnh H về việc xác định thiệt hại do hành vi vi phạm của các đối tượng gây ra trong vụ án. Kết quả phúc đáp của Sở Tài chính tỉnh H về việc xác định thiệt hại của vụ án hình sự: “*Việc phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Yên T thông đồng nghiệm thu, thanh toán tăng, không khối lượng so với thực tế, hợp thức hóa hồ sơ 06 gói thầu để thanh toán số tiền 499.657.000 đồng, trong đó khối lượng thực tế thực hiện là 77.657.000 đồng, số tiền còn lại 422.000.000 đồng (đã nghiệm thu, thanh toán nhưng không có khối lượng) được xác định là thiệt hại cho ngân sách nhà nước*”.

*** Việc thu giữ và xử lý vật chứng:**

- Đối với 01 (một) USB, vỏ bằng nhựa màu đen, trên vỏ có ghi chữ Lexar, dung lượng 32G; 01(một) Bản in file Excel ghi chép nội dung thu chi số tiền 422.000.000 đồng; 06 (sáu) bộ hồ sơ thánh toán liên quan đến 06 gói thầu do Phòng Kinh tế và Hạ tầng giao nộp được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 máy tính để bàn liền màn hình all in one nhãn hiệu Dell. Kết quả điều tra xác định tài liệu lưu giữ trong máy tính không liên quan đến vụ án, do vậy Cơ quan điều tra đã làm thủ tục trả lại cho chủ sở hữu là bị cáo Hoàng Tiến S.

Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân và đồng phạm, lời khai phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

**Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2024/ HS-ST ngày 30/10/2024 của
Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:**

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo: Đặng Văn T, Nguyễn Anh S phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”

2. Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 356; điểm b,s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt **Đặng Văn T** 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27 tháng 02 năm 2024, đến ngày 22 tháng 5 năm 2024

- Áp dụng điểm b,c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b,s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt **Nguyễn Anh S** 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Cấm bị cáo Nguyễn Anh S đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 01 (một) năm, kể từ ngày chấp hành xong bản án.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Đức A, Bùi Công Đ, Phạm Văn S, Hoàng Tiến Sơn, về vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 12/11/2024, các bị cáo Đặng Văn T, Nguyễn Anh S có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Đặng Văn T, Nguyễn Anh S giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” như đã tuyên là đúng; các bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện. Các bị cáo cho rằng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo là quá nặng, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án có ý kiến:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đặng Văn T, Nguyễn Anh S về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại điểm b, c khoản 2, Điều 356 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về hình phạt đối với các bị cáo:

Bị cáo Đặng Văn T mặc dù có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới tại cấp phúc thẩm, nhưng xét vai trò chỉ đạo chính trong vụ án thì mức hình phạt 30 tháng tù đối với bị cáo là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Thành .

Bị cáo Nguyễn Anh S thực hiện hành vi phạm tội là theo sự chỉ đạo của bị cáo T; bị cáo phạm tội không trực lợi cho riêng cá nhân, tiền thu được đã sử dụng chi tiêu cho tập thể; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, đã nộp tiền khắc phục toàn bộ hậu quả. Bị cáo T đang là người duy nhất đang trực tiếp nuôi dưỡng bố để là thương binh bị suy giảm 71% sức khỏe. Để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với gia đình người có công với các mạng, chỉ là đồng phạm giúp sức trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Anh Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định:

Đặng Văn T, Nguyễn Anh S, Nguyễn Đức A, Hoàng Tiến S đều là cán bộ của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Yên T, cùng với Bùi Công Đ, Phạm Văn S, vì động cơ vụ lợi cho tập thể và nâng cao uy tín cá nhân nên trong quá trình thực hiện công tác quản lý, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng đường giao thông trên địa bàn huyện Yên T năm 2021, các bị cáo đã có hành vi lập hồ sơ thanh toán khống, làm trái công vụ gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước số tiền 422.000.000 đồng, cụ thể:

Bị cáo Đặng Văn T là người trực tiếp phân công bị cáo Nguyễn Anh S, Nguyễn Đức A tổ chức thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện Yên T năm 2021. Quá trình thực hiện bị cáo Đặng Văn T, Nguyễn Anh S đã chỉ đạo Nguyễn Đức A 02 lần hợp thức hóa hồ sơ thanh toán, lập khống, tăng khối lượng đề nghị thanh toán số tiền 499.657.000 đồng của tổng 06 gói thầu để nhận lại tiền chênh lệch, gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước số tiền 422.000.000 đồng.

Bị cáo Hoàng Tiến S trong thời gian giữ chức vụ Trưởng phòng Kinh tế và hạ tầng huyện Yên T từ tháng 5/2013 đến ngày 01/7/2021 đã ký tên 09 tài liệu đề hợp thức hoá hồ sơ thanh toán 02 gói thầu quý I, quý II năm 2021 gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước là 193.044.000 đồng.

Bị cáo Bùi Công Đ và Phạm Văn S là những người được thuê thực hiện việc các công phát cây, cắt cỏ, khơi thông cống rãnh, và bảo trì, sửa chữa 02 tuyến đường. Các bị cáo đã thống nhất cùng với các cá nhân liên quan của Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện Yên T lập hồ sơ thanh toán tăng, không khối lượng so với thực tế, cụ thể: Bị cáo Đinh tham gia lập 04 hồ sơ gói thầu liên quan đến việc phát cây, cắt cỏ, rút số tiền 384.498.000 đồng, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước là 322.000.000 đồng; bị cáo Phạm Văn S tham gia lập 02 hồ sơ bảo trì, sửa chữa 02 tuyến đường rút số tiền 115.159.000 đồng, số tiền gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước là 100.000.000 đồng.

Với các hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đặng Văn T, Nguyễn Anh S về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại điểm b, c khoản 2, Điều 356 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Đặng Văn T, Nguyễn Anh S, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước trong lĩnh vực bảo trì, duy tu, sửa chữa các công trình giao thông, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước và làm giảm uy tín của cơ quan tổ chức, của chính quyền địa phương. Các bị cáo đều là những người có năng lực, trình độ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế hạ tầng, nhận thức được việc hợp thức hóa hồ sơ thanh toán, lập không, tăng khối lượng để nhận lại số tiền chênh lệch là hành vi vi phạm nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng để có tác dụng giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, do đó Hội đồng xét xử đánh giá vai trò của từng bị cáo, tính chất mức độ của từng hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp. Cụ thể:

Đối với bị cáo Đặng Văn T:

Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Đặng Văn T giữ chức vụ Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Yên T, là người đứng đầu đơn vị, trực tiếp phân công Nguyễn Anh S và Nguyễn Đức A tổ chức thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện Yên T năm 2021. Mặc dù nhận thức rõ việc khai khống, khai tăng khối lượng là trái quy định nhưng vẫn chỉ đạo cho cấp dưới thông đồng với các bên tham gia làm sai khối lượng thanh toán. Bị cáo ký tên trên 28 tài liệu đề hợp thức hóa hồ sơ thanh toán, đây là căn cứ để Kho bạc Nhà nước huyện Yên T thanh toán số tiền là 499.657.000 đồng của 06 gói thầu, từ đó dẫn đến ngân sách Nhà nước bị thiệt hại số tiền 422.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo là lãnh đạo chủ chốt, giữ vai trò

chính trong vụ án, là người chỉ đạo, tổ chức thực hiện nên là người giữ vai trò chính, phải chịu mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội đã gây ra.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã cùng các bị cáo khác khắc phục toàn bộ hậu quả. Quá trình công tác, Đặng Văn T được tặng 01 bằng khen của Thủ tướng chính phủ năm 2010; 01 bằng khen của Bộ trưởng Bộ kế hoạch và đầu tư năm 2013; 01 kỷ niệm chương vì sự nghiệp tài chính Việt Nam của Bộ trưởng Bộ tài chính năm 2013; Bị cáo có bố đẻ là ông Đặng Văn S được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất; anh ruột là ông Đặng Văn H là liệt sỹ; bản thân bị cáo bị mắc nhiều bệnh dẫn đến suy giảm khả năng lao động phải nghỉ hưu trước tuổi nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s, v, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Đặng Văn T cung cấp thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới: Quá trình công tác, nhiều năm liền bị cáo được tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở. Bị cáo tham gia đóng góp hỗ trợ học bổng, tặng quà cho học sinh huyện Yên T, tỉnh H (Xác nhận ngày 04/11/2024 của Hội Cựu giáo chức huyện Yên T); hỗ trợ cho 02 gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, mắc bệnh hiểm nghèo tại xã Hữu Lợi, huyện Yên T (Xác nhận ngày 09/10/2024 của Hội Chữ thập đỏ huyện Yên T). Bị cáo đã nộp áp phí hình sự sơ thẩm (Biên lai thu số 0002882 ngày 12/11/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh H).

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, bị cáo Đặng Văn T mặc dù có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới tại cấp phúc thẩm nhưng với vai trò là người lãnh đạo, chỉ đạo chính trong vụ án thì mức hình phạt 30 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là phù hợp, không có căn cứ để cho bị cáo được hưởng án treo. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Văn T.

Đối với bị cáo Nguyễn Anh S:

Thời điểm thực hiện hành vi phạm, bị cáo Nguyễn Anh S giữ chức vụ Phó trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Yên T, bị cáo đã cùng Nguyễn Đức A hợp thức hóa hồ sơ thanh toán, lập khống, tăng khối lượng đề nghị thanh toán số tiền 499.657.000 đồng của 06 gói thầu để nhận lại tiền chênh lệch. Nguyễn Anh S là người ký biên bản “Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành” của các gói thầu. Bị cáo thực hiện tội phạm dưới sự chỉ đạo của bị cáo Đặng Văn T, là người giúp sức cho bị cáo T.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Anh S đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã cùng các bị cáo khác khắc phục toàn bộ hậu quả. Bị cáo có nhiều năm được tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở (năm 2015, 2016, 2022), bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác; bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Sơn H là thương binh loại A, thương tật hạng 2/4 (71%) được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, huân chương chiến sỹ giải phóng hạng ba; có mẹ đẻ là bà Phạm Thị N được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Anh S cung cấp thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới: Bị cáo là người duy nhất đang trực tiếp nuôi dưỡng Bố mẹ bị cáo đều đã tuổi cao, sức yếu (bố sinh năm 1944 là thương binh loại A, thương tật hạng 2/4, suy giảm 71% sức khỏe; mẹ sinh năm 1948 có xác nhận của chính quyền địa phương). Bản thân bị cáo từng tham gia quân ngũ trong thời gian từ tháng 02/2018 đến tháng 02/2021. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, bị cáo đã tích cực tham gia vào nhiều hoạt động thiện nguyện (Giấy xác nhận ngày 12/03/2025 của Hội chữ thập đỏ huyện Yên T, tỉnh H).

Xét thấy, bị cáo Nguyễn Anh S thực hiện hành vi phạm tội là theo sự chỉ đạo của cấp trên. Bị cáo phạm tội nhưng không vụ lợi cho riêng cá nhân, số tiền bị cáo làm trái công vụ gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước đã được chi tiêu vào các công việc chung của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Yên T (mua máy tính, chúc tết...). Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, đã nộp tiền khắc phục toàn bộ hậu quả. Đặc biệt, bị cáo là người duy nhất đang trực tiếp nuôi dưỡng bố mẹ là thương binh bị suy giảm 71% sức khỏe. Do đó, theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật và thể hiện sự quan tâm của Nhà nước đối với gia đình chính sách đã có công lao trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

[3]. Về án phí và các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Văn T, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Anh S; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2024/HS-ST ngày 30/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh H:

Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo: Đặng Văn T, Nguyễn Anh S phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt **Đặng Văn T** 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27 tháng 02 năm 2024, đến ngày 22 tháng 5 năm 2024.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự

năm 2015 xử phạt **Nguyễn Anh S** 27 (hai mươi bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 (năm mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Anh S cho Ủy ban nhân dân thị trấn Hàng Trạm, huyện Yên T, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Anh S cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Cấm bị cáo Nguyễn Anh S đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 01 (một) năm, kể từ ngày chấp hành xong bản án.

2. Về án phí: Bị cáo Đặng Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Anh S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo Đặng Văn T đã nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0002882 ngày 12/11/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh H.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Công an tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Các bị cáo (theo đ/c);
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Ngọc Huân